



**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN THỦ TỤC
TẠI VIỆT NAM DÀNH CHO
DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ SANG NHẬT BẢN
(TÁI BẢN LẦN THỨ 2)**

Tháng 5 năm 2021

Tổ chức xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO)

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Lưu ý:

- Chúng tôi đã nỗ lực hết sức để cung cấp các thông tin chính xác khi biên soạn tài liệu này. Tuy nhiên, chúng tôi không đưa ra bất kì sự bảo đảm nào về tính chính xác của tài liệu.
- Chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất nào về lợi ích, thiệt hại trực tiếp, gián tiếp, thiệt hại do bị xử phạt phát sinh từ việc sử dụng thông tin trong tài liệu này.
- Nghiêm cấm mọi hành vi đăng tải, sao chép, chuyển tiếp, phân phát, ... tài liệu này khi chưa được cho phép.

Địa chỉ liên lạc:

Tổ chức xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO)

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Điện thoại: +84-24-3825-0630

Email: VHA@jetro.go.jp

LỜI MỞ ĐẦU

“Tài liệu hướng dẫn thủ tục tại Việt Nam dành cho doanh nghiệp đầu tư sang Nhật Bản” (Sau đây gọi tắt là “Tài liệu này”) được phát hành với mục đích cung cấp những thông tin cơ bản, cần thiết để thành lập và vận hành cơ sở kinh doanh tại Nhật Bản chủ yếu cho các đối tượng là chủ doanh nghiệp hoặc người phụ trách bộ phận đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam tham khảo. Bản đầu tiên của tài liệu này đã được phát hành vào tháng 3 năm 2019 nhưng do Luật đầu tư số 61/2020/QH14 (có hiệu lực thi hành từ tháng 1 năm 2021) đã sửa đổi các thủ tục tại Việt Nam liên quan đến đầu tư ra nước ngoài nên lần này chúng tôi đã tổng hợp lại những quy định và thủ tục mới.

Ngoài ra, Jetro đã phát hành cuốn sách “Law & Regulations on Setting up Business in Japan” (Sau đây gọi tắt là “L&R”) hướng dẫn chi tiết các thủ tục thành lập cơ sở kinh doanh tại Nhật Bản. Vui lòng tham khảo [L&R](#) để hiểu rõ hơn các thủ tục tại Nhật Bản và sử dụng một cách hiệu quả cùng với tài liệu này.

Chúng tôi hi vọng tài liệu này sẽ hoàn thành tốt vai trò hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà khởi nghiệp Việt Nam trong hoạt động đầu tư sang Nhật Bản.

Tháng 5 năm 2021
Tổ chức xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO)
Văn phòng tại Hà Nội

MỤC LỤC

I.	Giải thích từ ngữ.....	5
II.	Văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài.....	8
III.	Sơ đồ trình tự, thủ tục đầu tư sang Nhật Bản	9
IV.	Hình thức đầu tư tại Nhật Bản	10
V.	Ngành, nghề cấm đầu tư ra nước ngoài và ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện	11
	1. Ngành, nghề cấm đầu tư ra nước ngoài	11
	2. Ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện.....	12
VI.	Các trường hợp phải xin chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài.....	13
VII.	Thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.....	14
VIII.	Thủ tục sau thành lập cơ sở kinh doanh tại Nhật Bản.....	18
	1. Thủ tục liên quan đến vốn đầu tư ra nước ngoài.....	18
	1.1. Nguyên tắc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài	18
	1.2. Thủ tục mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài.....	18
	1.3. Thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.....	19
	1.4. Sử dụng lợi nhuận thu từ đầu tư ở nước ngoài	20
	1.5. Chuyển vốn trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.....	21
	1.6. Vốn đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp FDI (tham khảo)	22
	2. Nghĩa vụ thông báo và báo cáo cơ quan ban ngành Việt Nam về hoạt động đầu tư tại nước ngoài	23
	2.1. Thông báo lập chi nhánh ở nước ngoài	23
	2.2. Thông báo hoạt động đầu tư ở nước ngoài	23
	2.3. Báo cáo định kỳ.....	24
IX.	Phạt vi phạm hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài....	246
X.	Q&A	27
	PHỤ LỤC I. BIỂU MẪU.....	33
	PHỤ LỤC II. CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	666

I. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ sử dụng trong tài liệu này được hiểu như sau:

1. Hình thức đầu tư tại Nhật Bản:

<p>Công ty con (pháp nhân Nhật Bản):</p> <p>Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn</p>	<ul style="list-style-type: none">• Trường hợp doanh nghiệp nước ngoài thành lập công ty con tại Nhật Bản (pháp nhân Nhật Bản), doanh nghiệp có thể lựa chọn thành lập pháp nhân theo hình thức Công ty cổ phần hoặc Công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp Nhật Bản.• Công ty con (pháp nhân Nhật Bản) là một pháp nhân độc lập với công ty mẹ ở nước ngoài, do đó, công ty mẹ sẽ chịu trách nhiệm đối với các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động của công ty con với vai trò là một nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.• Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không có nghĩa vụ phải thường trú tại Nhật Bản.• Một nhà đầu tư cũng có thể thành lập công ty con.• Ngoài những ngành nghề mà công ty mẹ tại Việt Nam đã đăng ký, công ty con có thể kinh doanh những ngành nghề khác mà pháp luật Nhật Bản cho phép. <p>※ Vui lòng tham khảo L&R để hiểu rõ hơn sự giống và khác nhau giữa hai loại hình doanh nghiệp Công ty cổ phần và Công ty trách nhiệm hữu hạn.</p> <p>※ Theo Luật doanh nghiệp Nhật Bản, công ty hợp danh và công ty hợp vốn cũng được thừa nhận tư cách pháp nhân. Tuy nhiên, với hình thức này, nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với phần vốn góp của mình chứ không phải là chịu trách nhiệm hữu hạn, do vậy, trên thực tế, hầu như không có doanh nghiệp nào lựa chọn hai hình thức này.</p> <p>※ Ngoài hình thức thành lập công ty con tại Nhật Bản, còn có hình thức khác là doanh nghiệp nước ngoài đầu tư thông qua các pháp nhân Nhật Bản bằng cách thành lập công ty liên doanh với doanh nghiệp Nhật Bản, công ty đầu tư,... hoặc tham gia góp vốn vào các doanh nghiệp Nhật Bản.</p>
--	--

<p>Chi nhánh</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Cần phải thực hiện thủ tục đăng ký khi thành lập chi nhánh; tuy nhiên, theo quy định pháp luật, chi nhánh không có tư cách pháp nhân độc lập mà chỉ là một đơn vị phụ thuộc của công ty mẹ. Do đó, chi nhánh chỉ được kinh doanh những ngành nghề mà công ty mẹ đã đăng ký tại Việt Nam. • Chi nhánh có thể tự đứng tên mở tài khoản ngân hàng và thuê bất động sản; tuy nhiên, trách nhiệm đối với các khoản nợ, khoản thu phát sinh từ hoạt động của chi nhánh sẽ được quy về công ty mẹ.
<p>Văn phòng đại diện</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Về nguyên tắc, văn phòng đại diện không phải là đối tượng phải đăng ký thành lập nên không cần thực hiện thủ tục này. • Văn phòng đại diện chủ yếu được thành lập nhằm mục đích tìm hiểu thị trường, thu thập thông tin để chuẩn bị cho hoạt động kinh doanh của công ty mẹ tại Nhật Bản nên văn phòng đại diện không được tiến hành các hoạt động kinh doanh nhằm mục đích sinh lời. • Thông thường, văn phòng đại diện không thể tự đứng tên để đăng ký tài khoản ngân hàng hay thuê bất động sản. Do đó, công ty mẹ hoặc trưởng văn phòng đại diện với tư cách là cá nhân được ủy quyền sẽ đứng ra thực hiện các thủ tục này.

※ Nội dung chi tiết khác xin vui lòng tham khảo [L&R](#).

2. Từ ngữ liên quan đến các thủ tục và các cơ quan liên quan tại Việt Nam:

- **“Bộ Kế hoạch và Đầu tư”**: *Ministry of Planning and Investment* (Sau đây gọi tắt là “MPI”)
- **“Cục Đầu tư nước ngoài”**: Cơ quan trực thuộc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (*Foreign Investment Agency*, sau đây gọi tắt là “FIA”)
- **“Sở Kế hoạch và Đầu tư”**: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (*Department of Planning and Investment*, sau đây gọi tắt là “DPI”)
- **“Ngân hàng Nhà nước”**: Ngân hàng Trung ương Việt Nam (*State Bank of Vietnam*, sau đây gọi tắt là “SBV”)
- **“Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài”**: *Overseas Investment Registration Certificate* (Sau đây gọi tắt là “IRC”)
- **“Chấp thuận chủ trương đầu tư”** là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về mục tiêu, địa điểm, quy mô, tiến độ, thời hạn thực hiện dự án, ... của một dự án đầu tư cụ thể.

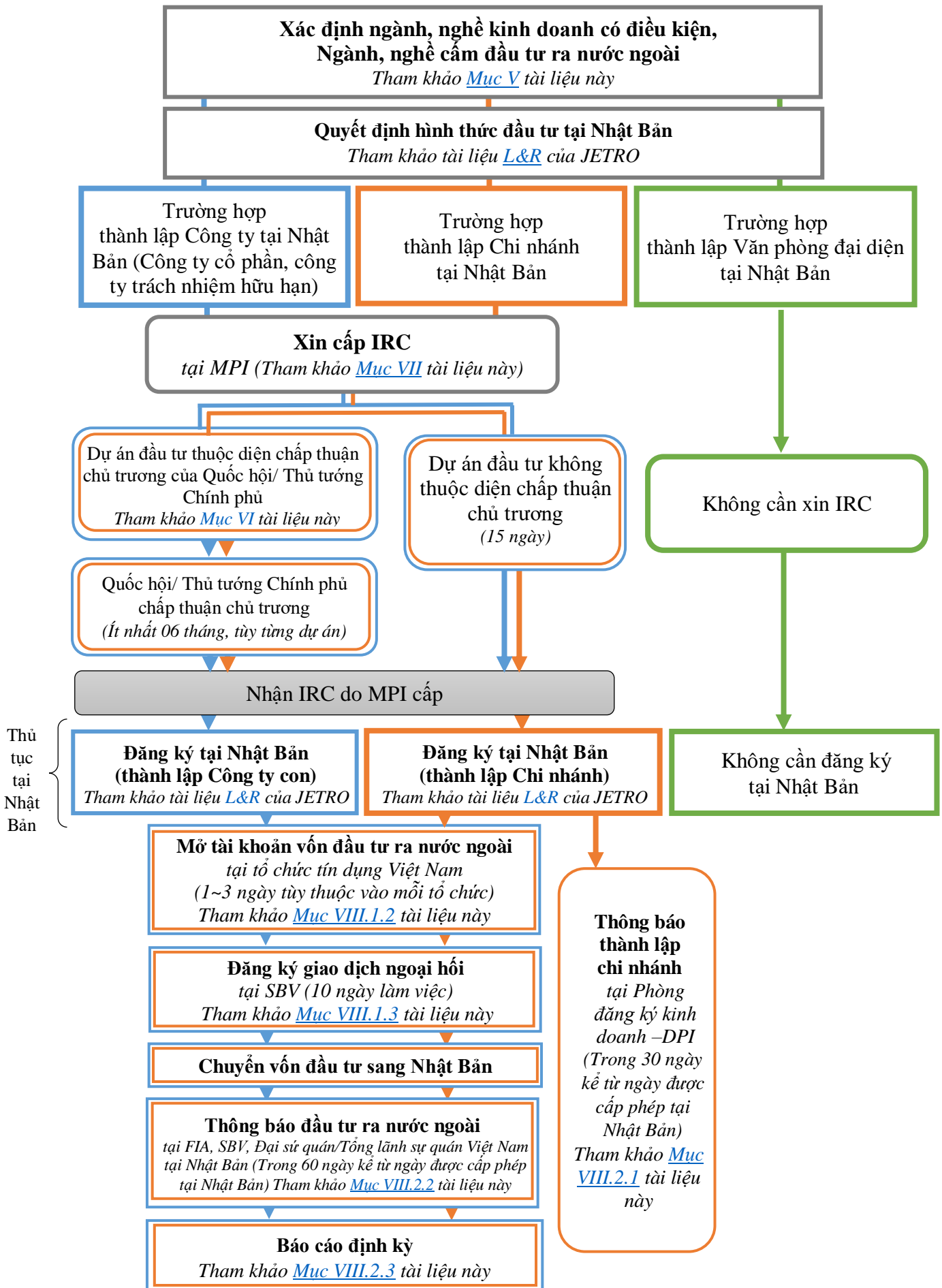
- **“Vốn đầu tư ra nước ngoài”**: *Overseas Investment Capital*. Bao gồm các tài sản để thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài như dưới đây:
 - Tài sản của nhà đầu tư: Tiền (ngoại tệ, đồng Việt Nam) và tài sản hợp pháp khác (máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, hàng hóa thành phẩm, hàng hóa bán thành phẩm; giá trị quyền sở hữu trí tuệ,...);
 - Vốn vay tại Việt Nam chuyển ra nước ngoài;
 - Lợi nhuận được giữ lại để thực hiện hoạt động đầu tư của công ty con, chi nhánh tại nước ngoài.
- **“Tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài”** là tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ hoặc tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư mở tại tổ chức tín dụng được phép tại Việt Nam để thực hiện các giao dịch thu, chi cho hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

II. Văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài

Những văn bản pháp luật dưới đây sẽ được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp Việt Nam đầu tư, thành lập cơ sở kinh doanh tại nước ngoài:

1. Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (*Sau đây gọi tắt là “Luật đầu tư”*)
2. Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 quy định về đăng ký doanh nghiệp (Thủ tục thông báo lập chi nhánh ở nước ngoài) (*Sau đây gọi tắt là “Nghị định 01”*)
3. Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư (*Sau đây gọi tắt là “Nghị định 50”*)
4. Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (*Sau đây gọi tắt là “Nghị định 31”*)
5. Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 16/3/2021 hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp (Mẫu Thông báo lập chi nhánh ở nước ngoài) (*Sau đây gọi tắt là “Thông tư 01”*)
6. Thông tư số 12/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 29/6/2016 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài (*Sau đây gọi tắt là “Thông tư 12”*)
7. Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 09/4/2021 quy định các mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (*Sau đây gọi tắt là “Thông tư 03”*)

III. Sơ đồ trình tự, thủ tục đầu tư sang Nhật Bản



IV. Hình thức đầu tư tại Nhật Bản

Khi thực hiện hoạt động đầu tư tại Nhật Bản, nhà đầu tư có thể lựa chọn một trong các hình thức sau đây (*Điều 52 Luật đầu tư*):

1. Thành lập tổ chức kinh tế (công ty con, chi nhánh) theo quy định của pháp luật Nhật Bản;
2. Đầu tư theo hình thức hợp đồng tại Nhật Bản;
3. Góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế tại Nhật Bản để tham gia quản lý tổ chức kinh tế đó;
4. Đầu tư gián tiếp (Mua, bán giấy tờ có giá như chứng khoán hoặc đầu tư thông qua các quỹ đầu tư,...)
5. Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật Nhật Bản.

✘ Trường hợp thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện:

- Chi nhánh: Theo MPI, thành lập chi nhánh tương ứng với hình thức thành lập tổ chức kinh tế tại nước ngoài quy định tại điều 52 Luật Đầu tư nên cần phải xin cấp IRC.
- Văn phòng đại diện: Thành lập văn phòng đại diện không thuộc hình thức đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư Việt Nam nên không cần xin cấp IRC. Hơn nữa, ở Nhật Bản cũng không tồn tại thủ tục pháp lý liên quan đến thành lập văn phòng đại diện nên không cần đăng ký.

V. Ngành, nghề cấm đầu tư ra nước ngoài và Ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện

1. Ngành, nghề cấm đầu tư ra nước ngoài (Điều 53 Luật đầu tư)

a. Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh (Điều 6 Luật đầu tư)

STT	Tên ngành
1.	Kinh doanh các chất ma túy quy định tại Phụ lục I của Luật đầu tư
2.	Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục II của Luật đầu tư
3.	Kinh doanh mẫu vật các loài thực vật, động vật hoang dã có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên quy định tại Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên quy định tại Phụ lục III của Luật đầu tư
4.	Kinh doanh mại dâm
5.	Mua, bán người, mô, xác, bộ phận cơ thể người, bào thai người
6.	Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người
7.	Kinh doanh pháo nổ
8.	Kinh doanh dịch vụ đòi nợ

b. Ngành, nghề có công nghệ, sản phẩm thuộc đối tượng cấm xuất khẩu

- Ngành, nghề có sản phẩm bị cấm xuất khẩu: Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu được quy định tại Phụ lục I Nghị định số 69/2018/NĐ-CP (các loại xuất bản phẩm thuộc diện cấm phổ biến và lưu hành tại Việt Nam; gỗ tròn, gỗ xẻ các loại từ gỗ rừng tự nhiên trong nước, ...);
- Ngành, nghề có công nghệ bị cấm xuất khẩu: hiện tại, văn bản pháp luật quy định về ngành, nghề này chưa được ban hành.

c. Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật Nhật Bản.

2. Ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện (Điều 54 Luật đầu tư, Điều 72 Nghị định 31)

STT	Ngành, nghề	Điều kiện
1.	Ngân hàng	<ul style="list-style-type: none"> • Cần đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng (Thông tư 21/2013/TT-NHNN); • Được SBV chấp thuận bằng văn bản trước khi nộp hồ sơ xin cấp IRC.
2.	Bảo hiểm	<ul style="list-style-type: none"> • Cần đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực bảo hiểm (Nghị định 73/2016/NĐ-CP); • Được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi nộp hồ sơ xin cấp IRC.
3.	Chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> • Cần đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán (Nghị định 155/2020/NĐ-CP); • Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi nộp hồ sơ xin cấp IRC.
4.	Báo chí, phát thanh, truyền hình	<ul style="list-style-type: none"> • Nhà đầu tư là tổ chức đã được cấp phép hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình tại Việt Nam; • Được Bộ Thông tin và Truyền thông đồng ý bằng văn bản. (MPI lấy ý kiến Bộ Thông tin và Truyền thông trước khi cấp IRC).
5.	Kinh doanh bất động sản	Nhà đầu tư là doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp.

VI. Các trường hợp phải xin chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài

Đối với các dự án đầu tư dưới đây, MPI sẽ xin ý kiến chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ trước khi cấp IRC (*Điều 56 Luật đầu tư*):

Cơ quan chấp thuận	Dự án đầu tư
Quốc hội	<ol style="list-style-type: none">1. Dự án đầu tư có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 20.000 tỷ đồng trở lên;2. Dự án đầu tư có yêu cầu áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định.
Thủ tướng Chính phủ	<ol style="list-style-type: none">3. Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 400 tỷ đồng trở lên;4. Dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 800 tỷ đồng trở lên.

VII. Thủ tục xin cấp IRC

Trước khi thành lập công ty con hoặc chi nhánh tại Nhật Bản, nhà đầu tư cần thực hiện thủ tục xin cấp IRC như dưới đây (Điều 57, 60, 61 Luật đầu tư; Điều 75, 76, 78, 80 Nghị định 31).

✘ Nhà đầu tư cần kê khai thông tin hồ sơ đề nghị cấp IRC trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư (<https://fdi.gov.vn/>) và nộp hồ sơ cho MPI trong vòng 15 ngày, kể từ thời điểm kê khai. (Đối với các dự án có vốn đầu tư dưới 20 tỷ đồng và không thuộc ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện, nhà đầu tư được lựa chọn nộp hồ sơ bản giấy hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư).

Dự án đầu tư	Dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương của Quốc hội	Dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương của Thủ tướng Chính phủ	Dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương
Cơ quan tiếp nhận	MPI		
Hồ sơ	<ol style="list-style-type: none">Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài (<i>Tham khảo Mẫu số 02 - Phụ lục I</i>);Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư:<ul style="list-style-type: none">Nhà đầu tư là cá nhân: Bản sao công chứng Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân;Nhà đầu tư là doanh nghiệp Việt Nam: Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;Nhà đầu tư là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các tài liệu tương đương khác;Quyết định đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư (đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp) (<i>Tham khảo Mẫu số 03 - Phụ lục I</i>);Văn bản cam kết tự cân đối ngoại tệ (<i>Tham khảo Mẫu số 05 - Phụ lục I</i>) (kèm theo văn bản của tổ chức tín dụng xác nhận số dư tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư) hoặc văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ cho nhà đầu tư của tổ chức tín dụng được phép;Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đáp ứng điều kiện đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan<ul style="list-style-type: none">✘ Chỉ áp dụng đối với dự án có ngành, nghề là ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện;		

	<p>6. Tài liệu xác định địa điểm thực hiện dự án đầu tư (Hợp đồng/Thỏa thuận nguyên tắc về việc thuê địa điểm,...)</p> <p>✘ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dự án thuộc diện Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài; • Dự án năng lượng; • Dự án chăn nuôi, trồng trọt, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản; • Dự án khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; • Dự án có xây dựng nhà máy, cơ sở sản xuất, chế biến, chế tạo; • Dự án đầu tư xây dựng công trình, cơ sở hạ tầng; • Dự án đầu tư kinh doanh bất động sản trừ các hoạt động cung cấp dịch vụ: môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản. <p>7. Văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư đến thời điểm nộp hồ sơ;</p> <p>✘ Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự án đầu tư.</p>
	<p>8. Đề xuất dự án đầu tư ra nước ngoài (nội dung chủ yếu: hình thức, mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; vốn đầu tư, phương án huy động vốn, cơ cấu nguồn vốn; tiến độ thực hiện dự án; hiệu quả đầu tư của dự án, ...) (Tham khảo Mẫu số 04 - Phụ lục I);</p> <p>9. Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; • Cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ hoặc tổ chức tài chính; • Bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; • Tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư <p>10. Báo cáo về việc cho công ty con vay (trường hợp nhà đầu tư cho công ty con vay để thực hiện dự án đầu tư) (nội dung chủ yếu: tổng số tiền cho vay; mục đích,</p>

	điều kiện cho vay; kế hoạch giải ngân; kế hoạch thu hồi nợ; đánh giá khả năng tài chính của bên đi vay, ...);		
	11. Tài liệu xác định việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (Cam kết của nhà đầu tư về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh,...) (trường hợp nhà đầu tư bảo lãnh cho công ty con vay để thực hiện dự án đầu tư).		
Số lượng hồ sơ	1 bộ gốc, 19 bộ sao	1 bộ gốc, 7 bộ sao	1 bộ gốc, 2 bộ sao
Thời gian cấp phép	<ul style="list-style-type: none"> • Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, MPI trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước. • Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức thẩm định và lập báo cáo thẩm định trình Chính phủ. • Chậm nhất là 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội. • Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài • MPI cấp IRC trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư và quyết 	<ul style="list-style-type: none"> • Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, MPI gửi hồ sơ lấy ý kiến của SBV, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ quản lý ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính. • Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến bằng văn bản về những nội dung thuộc thẩm quyền quản lý. • Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, MPI tổ chức thẩm định và lập báo cáo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ. • Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của MPI, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài. • MPI cấp IRC trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định chấp 	<p>MPI cấp IRC trong 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p> <p>※ Trường hợp khoản vốn bằng ngoại tệ chuyển ra nước ngoài tương đương 20 tỷ đồng trở lên, MPI lấy ý kiến của SBV bằng văn bản. (SBV trả lời bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ)</p>

	định đầu tư ra nước ngoài.	thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Thủ tướng.	
--	----------------------------	--	--

※ **Nội dung IRC** (Điều 62 Luật đầu tư) (Chi tiết tham khảo tại [Mẫu số 01 – Phụ lục I](#))

1. Mã số dự án đầu tư;
2. Thông tin nhà đầu tư;
3. Tên dự án đầu tư, tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài (nếu có);
4. Mục tiêu, địa điểm đầu tư;
5. Hình thức đầu tư, vốn đầu tư, nguồn vốn đầu tư, hình thức vốn đầu tư, tiến độ thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài;
6. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư;
7. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư (nếu có).

VIII. Thủ tục sau thành lập cơ sở kinh doanh tại Nhật Bản

1. Thủ tục liên quan đến vốn đầu tư ra nước ngoài

1.1. Nguyên tắc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài (Điều 5 Thông tư 12)

- Sau khi được cấp IRC, nhà đầu tư phải mở 01 tài khoản vốn đầu tư bằng 01 loại ngoại tệ phù hợp với nhu cầu chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài tại 01 tổ chức tín dụng được phép tại Việt Nam và đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với SBV.
- Trường hợp chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng Việt Nam, nhà đầu tư được mở và sử dụng đồng thời 01 tài khoản vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam và 01 tài khoản vốn đầu tư bằng ngoại tệ tại 01 tổ chức tín dụng được phép và đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với SBV.
- Nhà đầu tư có nhiều dự án đầu tư ở nước ngoài phải mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài riêng biệt cho từng dự án.
- Trường hợp dự án đầu tư ở nước ngoài có sự tham gia của nhiều nhà đầu tư, mỗi nhà đầu tư phải mở tài khoản vốn đầu tư riêng biệt để chuyển vốn ra nước ngoài. Sau đó, mỗi nhà đầu tư sẽ chuyển vốn theo tỷ lệ phần vốn góp tương ứng được quy định trong IRC.
- Sau khi được SBV xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối, mọi giao dịch thu, chi theo quy định liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài phải được thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư.

1.2. Thủ tục mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài

a. Hồ sơ cần thiết (01 bộ):

Thông thường, ngoài các mẫu đơn xin do ngân hàng cung cấp, doanh nghiệp cần chuẩn bị các tài liệu sau đây:

STT	Tên tài liệu	Loại tài liệu
1.	IRC	Bản sao công chứng
2.	Giấy chứng nhận nội dung đăng ký công ty/chi nhánh tại Nhật Bản	Bản gốc tiếng Nhật đã hợp pháp hóa lãnh sự tại Nhật Bản kèm bản dịch công chứng tiếng Việt
3.	Văn bản dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư của dự án do nhà đầu tư tự lập	Bản gốc

4.	Quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc/Giám đốc	Bản sao y bản chính của công ty (đóng dấu treo, giấp lai tất cả các trang)
5.	Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng (nếu có)	Bản sao y bản chính của công ty (đóng dấu treo, giấp lai tất cả các trang)
6.	Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của Tổng giám đốc/Giám đốc và kế toán trưởng	Bản sao công chứng hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu
7.	Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối của SBV (bổ sung sau khi nhận được từ SBV)	Bản sao công chứng

- b. Thời gian xử lý của ngân hàng: trong ngày nộp hồ sơ.
- c. Kết quả: Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài
- ✘ Tùy thuộc vào từng ngân hàng nơi nhà đầu tư mở tài khoản, hồ sơ, trình tự thủ tục có thể khác nhau.

1.3. Thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (Điều 8, 9, 10 Thông tư 12)

Sau khi mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài tại tổ chức tín dụng được phép theo quy định và trước khi thực hiện chuyển vốn đầu tư sang Nhật Bản, nhà đầu tư phải đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với SBV.

- a. Hồ sơ cần thiết (01 bộ):

STT	Tên tài liệu	Loại tài liệu
1.	Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (Tham khảo Mẫu số 12 - Phụ lục I)	Bản gốc
2.	IRC	Bản sao công chứng hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu
3.	Giấy chứng nhận nội dung đăng ký công ty/chi nhánh tại Nhật Bản	Bản sao tiếng Nhật kèm bản dịch tiếng Việt (không cần công chứng, cần đóng dấu của nhà đầu tư)

4.	Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài (trong đó nêu rõ số tài khoản, loại ngoại tệ)	Bản gốc
5.	Văn bản xác nhận của ngân hàng về số tiền nhà đầu tư đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp IRC (đối với trường hợp đã chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài trước khi được cấp IRC) (<i>Tham khảo Mục 1.5</i>)	Bản gốc
6.	Văn bản giải trình về nhu cầu chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng Việt Nam (đối với trường hợp chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng Việt Nam)	Bản gốc

b. Cơ quan tiếp nhận:

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức tín dụng: SBV
- Trường hợp nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng: SBV chi nhánh tỉnh, thành phố nơi nhà đầu tư có trụ sở chính

c. Thời gian xử lý: trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

d. Kết quả: Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của SBV.

1.4. Sử dụng lợi nhuận thu từ đầu tư ở nước ngoài

a. Trường hợp sử dụng lợi nhuận ở nước ngoài (*Điều 67 Luật đầu tư, Điều 19 Thông tư 12*)

Nhà đầu tư được giữ lại lợi nhuận thu từ đầu tư ở nước ngoài để tái đầu tư trong trường hợp sau đây:

Trường hợp giữ lại lợi nhuận	Thủ tục cần thực hiện
Tiếp tục góp vốn đầu tư ở Nhật Bản trong trường hợp chưa góp đủ vốn theo đăng ký	Không có
Tăng vốn đầu tư tại Nhật Bản	• Điều chỉnh IRC

	<ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo bằng văn bản cho SBV trong vòng 30 ngày kể từ ngày được cấp IRC điều chỉnh
Thực hiện dự án đầu tư mới ở Nhật Bản	<ul style="list-style-type: none"> • Xin cấp IRC cho dự án đầu tư mới • Đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với SBV

b. Trường hợp chuyển lợi nhuận về Việt Nam (*Điều 68 Luật đầu tư*)

- Trừ trường hợp giữ lại lợi nhuận, trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có báo cáo quyết toán thuế, nhà đầu tư phải chuyển toàn bộ lợi nhuận thu được và các khoản thu nhập khác từ đầu tư ở nước ngoài về Việt Nam.
- Trong thời hạn trên mà không chuyển lợi nhuận và các khoản thu nhập khác về Việt Nam thì nhà đầu tư phải thông báo trước bằng văn bản cho MPI và SBV (*Tham khảo Mẫu số 13 - Phụ lục I*). Thời hạn chuyển lợi nhuận về nước được kéo dài không quá 12 tháng kể từ ngày hết thời hạn 06 tháng trên.
- Trường hợp quá thời hạn 6 tháng mà chưa chuyển lợi nhuận về nước và không thông báo hoặc trường hợp quá thời hạn được kéo dài mà nhà đầu tư chưa chuyển lợi nhuận về nước thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

1.5. Chuyển vốn trước khi được cấp IRC (*Khoản 2, 4 Điều 82 Nghị định 31; Điều 15 Thông tư 12*)

Trước khi được cấp IRC, nhà đầu tư được chuyển vốn (ngoại tệ) ra nước ngoài để phục vụ cho hoạt động chuẩn bị đầu tư như điều tra thông tin, đàm phán hợp đồng, ký quỹ,...

Điều kiện, thủ tục chuyển vốn trước khi được cấp IRC như dưới đây:

1. Mở “tài khoản ngoại tệ trước đầu tư” tại tổ chức tín dụng.
2. Chuyển tiền ra nước ngoài (không vượt quá 5% tổng vốn đầu tư ra nước ngoài và không quá 300.000 đô la Mỹ trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác).
 - ✘ Số tiền này được tính vào tổng vốn đầu tư ra nước ngoài.
3. Xin IRC.
4. Chuyển “tài khoản ngoại tệ trước đầu tư” thành “tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài” tại tổ chức tín dụng.
5. Đăng ký giao dịch ngoại hối với SBV (trong đó, kê khai cả số tiền đã chuyển tại bước 2).
6. SBV cấp Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối (trong đó, có xác nhận về số tiền đã chuyển tại bước 2).

1.6. Vốn đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp FDI (tham khảo) (Điều 70 Nghị định 31)

Trường hợp doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (gọi tắt là doanh nghiệp FDI: *Foreign Direct Investment*) đầu tư ra nước ngoài, nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài như dưới đây:

(Nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài = Vốn chủ sở hữu (Vốn điều lệ được ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ hoặc lãi) – Vốn góp để thực hiện dự án tại Việt Nam ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của công ty mẹ tại Việt Nam)

Dưới đây là một số ví dụ về cách tính số vốn mà doanh nghiệp có thể đầu tư ra nước ngoài.

STT	Ví dụ	Vốn đầu tư
1.	<ul style="list-style-type: none"> Vốn điều lệ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 100 Vốn góp để thực hiện dự án tại Việt Nam ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 100 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 0 	Nguồn vốn đầu tư (※) là 0. Do đó, công ty cần phải tăng vốn và sử dụng phần vốn tăng thêm đó để đầu tư ra nước ngoài.
2.	<ul style="list-style-type: none"> Vốn điều lệ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 100 Vốn góp để thực hiện dự án tại Việt Nam ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 100 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 70 	Nguồn vốn đầu tư là 70.
3.	<ul style="list-style-type: none"> Vốn điều lệ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 100 Vốn góp để thực hiện dự án tại Việt Nam ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 60 (trường hợp không sử dụng hết 100% số vốn điều lệ cho các dự án tại Việt Nam) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 0 	Nguồn vốn đầu tư là 40.

(※) “Nguồn vốn đầu tư” (*Sources of Overseas Investment Capital*) được hiểu là các nguồn tài chính có thể được phân bổ cho vốn đầu tư.

2. Nghĩa vụ thông báo và báo cáo cơ quan ban ngành Việt Nam về hoạt động đầu tư tại nước ngoài

2.1. Thông báo lập chi nhánh ở nước ngoài (Khoản 4 Điều 31 Nghị định 01)

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn tất thủ tục đăng ký chi nhánh tại Nhật Bản, nhà đầu tư phải thông báo về việc lập chi nhánh cho Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính.

a. Hồ sơ cần thiết (01 bộ):

STT	Tên tài liệu	Loại tài liệu
1.	Thông báo về việc lập chi nhánh ở nước ngoài (Tham khảo Mẫu số 06 - Phụ lục I)	Bản gốc
2.	Giấy chứng nhận nội dung đăng ký chi nhánh tại Nhật Bản	Bản dịch công chứng tiếng Việt

b. Thời gian thụ lý: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, thông tin về chi nhánh của doanh nghiệp được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2.2. Thông báo hoạt động đầu tư ở nước ngoài (Khoản 3, Khoản 4 Điều 73 Luật đầu tư)

Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hoàn tất thủ tục đăng ký công ty/chi nhánh tại Nhật Bản, nhà đầu tư phải gửi thông báo về việc thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài cho các cơ quan dưới đây:

- FIA
- SBV
- Đại sứ quán hoặc Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Nhật Bản

❖ Hồ sơ cần thiết (01 bộ):

STT	Tên tài liệu	Loại tài liệu
1.	Thông báo hoạt động đầu tư ở nước ngoài (Tham khảo Mẫu số 07 - Phụ lục I)	Bản gốc
2.	Giấy chứng nhận nội dung đăng ký công ty/chi nhánh tại Nhật Bản	Bản dịch công chứng tiếng Việt
3.	IRC	Bản sao công chứng
4.	Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của SBV	Bản sao công chứng

2.3. Báo cáo định kỳ

Định kỳ hằng quý, hằng năm, nhà đầu tư có nghĩa vụ thực hiện báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư và tình hình chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định sau (*Điều 73 Luật đầu tư; Điều 83 Nghị định 31; Điều 25 Thông tư 12; Thông tư 03*):

STT	Loại báo cáo	Cơ quan tiếp nhận	Thời hạn báo cáo	Mẫu báo cáo
1.	Báo cáo tình hình thực hiện chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài	SBV chi nhánh tỉnh/ thành phố	Hằng quý (chậm nhất vào ngày 5 của tháng đầu quý tiếp theo ngay sau quý báo cáo)	Mẫu số 08 - Phụ lục I
2.	Báo cáo tình hình hoạt động dự án đầu tư định kỳ hằng quý	<ul style="list-style-type: none"> • MPI • SBV • Đại sứ quán/ Tổng Lãnh sự quán Việt Nam ở Nhật Bản 	Hằng quý (trước ngày 20 của tháng cuối thuộc Quý báo cáo)	Mẫu số 09 - Phụ lục I
3.	Báo cáo tình hình hoạt động dự án đầu tư định kỳ hằng năm		Hằng năm (trước ngày 20 tháng 12 của kỳ báo cáo)	Mẫu số 10 - Phụ lục I
4.	Báo cáo tình hình hoạt động dự án đầu tư định kỳ hằng năm (sau khi có quyết toán thuế tại nước ngoài) ※ <i>Nộp kèm Bản sao Báo cáo quyết toán thuế</i>	<ul style="list-style-type: none"> • MPI • SBV • Đại sứ quán/ Tổng Lãnh sự quán Việt Nam ở Nhật Bản • Bộ Tài chính • Cơ quan quản lý thuế 	Hằng năm (06 tháng kể từ ngày có báo cáo quyết toán thuế)	Mẫu số 11 - Phụ lục I

※ Lưu ý:

- Ngoài nộp báo cáo bằng bản giấy cho các cơ quan tiếp nhận trên, nhà đầu tư phải báo cáo trực tuyến trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. Trường hợp có sự khác nhau giữa thông tin báo cáo trên Hệ thống này và thông tin trong báo cáo bằng bản giấy thì căn cứ theo thông tin trên Hệ thống.
- Biện pháp xử lý đối với trường hợp nhà đầu tư không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định:

- MPI có văn bản nhắc nhở nếu vi phạm lần đầu;
- Xử phạt vi phạm hành chính (Tham khảo [Mục IX Tài liệu này](#));
- Công khai các vi phạm trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư, Cổng thông tin điện tử của MPI và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

IX. Phạt vi phạm hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (Điều 15 Nghị định 50)

Hành vi vi phạm	Mức phạt (VNĐ)
Không thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động đầu tư ở nước ngoài	5.000.000
Không thông báo hoặc thông báo không đầy đủ nội dung thực hiện dự án đầu tư	- 10.000.000
Không thực hiện đúng các nội dung ghi trong IRC	20.000.000
Không chuyển lợi nhuận và các khoản thu nhập từ việc đầu tư ra nước ngoài về Việt Nam trong thời hạn quy định (trừ trường hợp giữ lại lợi nhuận theo quy định)	- 30.000.000
Không chuyển vốn và tài sản hợp pháp về nước khi kết thúc dự án	
Lập hồ sơ không chính xác, không trung thực để được cấp IRC	
Không thực hiện thủ tục điều chỉnh IRC trong trường hợp thay đổi nội dung dự án đầu tư	30.000.000
Không thực hiện thủ tục điều chỉnh IRC trong trường hợp sử dụng lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư ở nước ngoài để tăng vốn, mở rộng hoạt động đầu tư ở nước ngoài	- 40.000.000
Dùng lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ở nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư khác ở nước ngoài nhưng không thực hiện thủ tục để được cấp IRC cho dự án đầu tư đó	
Đầu tư ra nước ngoài khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận	50.000.000
Chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài khi không đáp ứng các điều kiện quy định	- 60.000.000

X. Q&A

Dưới đây là một số câu hỏi thường gặp và câu trả lời về các thủ tục tại Việt Nam liên quan đến việc thành lập cơ sở kinh doanh tại Nhật Bản.

❖ Câu hỏi về hình thức đầu tư ra nước ngoài

Câu hỏi 1: Có những hình thức đầu tư kinh doanh nào tại Nhật Bản?

Trả lời: Thành lập công ty con (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn), chi nhánh, văn phòng đại diện là những hình thức thành lập cơ sở kinh doanh phổ biến tại Nhật Bản. (Chi tiết tham khảo tài liệu [L&R của JETRO](#)).

Câu hỏi 2: Có sự khác biệt nào giữa các hình thức đầu tư kinh doanh này?

Trả lời: Trường hợp thành lập công ty con (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn) hay chi nhánh thì có thể tiến hành hoạt động kinh doanh. Đối với trường hợp thành lập văn phòng đại diện thì không được phép thực hiện hoạt động kinh doanh, chỉ được thực hiện chức năng làm văn phòng liên lạc, tìm hiểu thị trường.

Câu hỏi 3: Xin cho biết ngắn gọn một số ưu, nhược điểm của hình thức thành lập công ty con (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn)?

Trả lời: Ngoài những ngành, nghề mà công ty mẹ tại Việt Nam đã đăng ký, công ty con tại Nhật Bản có thể kinh doanh những ngành, nghề khác mà pháp luật Nhật Bản cho phép. Ngoài ra, người đại diện theo pháp luật của công ty không có nghĩa vụ thường trú tại Nhật Bản. Tuy nhiên, thủ tục thành lập doanh nghiệp tại Nhật Bản phức tạp và chi phí cao hơn so với thành lập chi nhánh.

Câu hỏi 4: Xin cho biết ngắn gọn một số ưu, nhược điểm của hình thức thành lập chi nhánh?

Trả lời: Do thành lập chi nhánh không yêu cầu đăng ký vốn và soạn thảo điều lệ, ... nên chi phí thành lập chi nhánh tại Nhật Bản sẽ thấp hơn chi phí thành lập công ty con. Tuy nhiên, do chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của công ty mẹ tại Việt Nam nên chi nhánh chỉ được kinh doanh những ngành nghề mà công ty mẹ đã đăng ký tại Việt Nam. Ngoài ra, người đứng đầu chi nhánh có nghĩa vụ thường trú tại Nhật Bản.

Câu hỏi 5: Xin cho biết ngắn gọn một số ưu, nhược điểm của hình thức thành lập văn phòng đại diện?

Trả lời: Nhật Bản không có quy định pháp luật về việc thành lập và hoạt động của văn phòng đại diện. Theo đó, văn phòng đại diện có thể hoạt động ngay mà không cần phải đăng ký. Tuy nhiên, do không có cơ sở pháp lý để coi văn phòng đại diện là một cơ sở kinh doanh nên văn phòng đại diện không thể đứng tên mở tài

khoản ngân hàng tại Nhật Bản. Do đó, việc chuyển kinh phí hoạt động của văn phòng đại diện rất khó khăn. Tuy nhiên, đối với các khoản chi tiền lương cho người lao động, các khoản thanh toán cho các bên giao dịch tại Nhật Bản, công ty mẹ tại Việt Nam có thể chuyển tiền trực tiếp cho họ nếu có hợp đồng. Ngoài ra, không thể xin giấy phép lao động, thị thực bằng hình thức văn phòng đại diện.

Câu hỏi 6: Do thủ tục tại Việt Nam mất nhiều thời gian nên tôi nghe nói có trường hợp nhà đầu tư không thực hiện thủ tục xin cấp IRC tại MPI Việt Nam mà chỉ nhờ người quen đang sinh sống ở Nhật Bản đứng tên đăng ký thành lập công ty. Có vấn đề gì đối với trường hợp này không?

Trả lời: Trong trường hợp này, công ty thành lập tại Nhật Bản sẽ không được coi là công ty con của doanh nghiệp tại Việt Nam. Chính quyền địa phương Nhật Bản có những chính sách ưu đãi đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài, tuy nhiên, trường hợp nêu trên sẽ không thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ này. Bên cạnh đó, việc chuyển tiền vốn từ Việt Nam sang Nhật Bản cũng gặp nhiều trở ngại.

Nếu nhà đầu tư đã thành lập công ty tại Nhật Bản theo phương thức này, để chuyển đổi sang hình thức công ty con của doanh nghiệp tại Việt Nam thì nhà đầu tư cần phải tiến hành các thủ tục ở cả Việt Nam và Nhật Bản. Chi tiết xin vui lòng liên hệ với JETRO.

❖ Câu hỏi về thành lập văn phòng đại diện

Câu hỏi 7: Trường hợp thành lập văn phòng đại diện tại Nhật Bản, cần thực hiện những thủ tục gì tại Việt Nam?

Trả lời: Theo nội dung [Câu hỏi 5](#) nêu trên, không tồn tại hình thức văn phòng đại diện tại Nhật Bản nên nhà đầu tư không cần thực hiện thủ tục xin cấp IRC. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, sau khi lập văn phòng đại diện tại Nhật Bản, nhà đầu tư cần thực hiện thủ tục Thông báo lập văn phòng đại diện ở nước ngoài cho Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (DPI), nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính. (Hồ sơ bao gồm Thông báo và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương). Tuy nhiên, như nội dung đã đề cập ở trên, do lập Văn phòng đại diện tại Nhật Bản không cần phải đăng ký và cũng không được cấp giấy phép nên cũng có ý kiến cho rằng không cần phải thông báo cho DPI. Chi tiết vui lòng xác nhận với DPI tại từng địa phương. Ngoài ra, hiện nay cũng chưa có quy định xử phạt khi không thực hiện thủ tục thông báo này.

❖ Câu hỏi về thành lập công ty con, chi nhánh

Câu hỏi 8: Người đứng đầu cơ sở kinh doanh không ở Nhật Bản có được không?

Trả lời: Đối với trường hợp công ty con (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn) thì có thể được, do người đại diện theo pháp luật không có nghĩa vụ thường trú tại Nhật Bản. Đối với trường hợp chi nhánh thì người đứng đầu chi nhánh cần phải thường trú tại Nhật Bản.

Câu hỏi 9: Thời gian cần thiết để thực hiện các thủ tục tại Việt Nam trước khi thành lập công ty con, chi nhánh tại Nhật Bản?

Trả lời: Đối với dự án đầu tư thông thường (không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài), thời gian cấp phép đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật là 15 ngày; tuy nhiên, trên thực tế phải cần tới 2 đến 3 tháng. Nếu bao gồm cả giai đoạn chuẩn bị thì cần thêm từ 1 đến 2 tháng. Ngoài ra, nếu doanh nghiệp không thông qua các chuyên gia như văn phòng luật sư mà tự mình thực hiện các thủ tục này, cũng có trường hợp mất từ 6 tháng đến gần 1 năm. Đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài (Chi tiết tham khảo [Mục VI tài liệu này](#)), thời gian thực hiện tùy thuộc vào quy mô của dự án, thời gian cho ý kiến của Quốc hội hoặc Thủ tướng chính phủ.

Câu hỏi 10: Để thành lập công ty con, chi nhánh tại Nhật Bản, chi phí cần thiết khi thực hiện các thủ tục tại Việt Nam là bao nhiêu?

Trả lời: Chi phí cần thiết để thực hiện thủ tục tại Việt Nam đối với các dự án thông thường (bao gồm: thủ tục xin cấp IRC, tư vấn mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài, đăng ký giao dịch ngoại hối tại SBV,...) khoảng 50.000.000VNĐ đến 70.000.000VNĐ (khoảng 250.000 Yên đến 350.000 Yên). Ngoài ra, không phát sinh lệ phí nào phải nộp cho nhà nước.

Câu hỏi 11: Tài liệu pháp lý của nhà đầu tư để thành lập cơ sở kinh doanh tại Nhật Bản (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ...) có cần dịch sang tiếng Nhật không?

Trả lời: Cần nộp bản dịch công chứng sang tiếng Nhật. Thủ tục công chứng có thể thực hiện tại Việt Nam (Văn phòng công chứng) hoặc tại Nhật Bản (Đại sứ quán hoặc Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Nhật Bản).

Câu hỏi 12: IRC có thời hạn không?

Trả lời: IRC không có thời hạn. Tuy nhiên, giấy phép này bị chấm dứt hiệu lực trong trường hợp pháp luật quy định (trường hợp chuyển nhượng toàn bộ dự án cho nhà đầu tư nước ngoài hoặc quá thời hạn theo quy định mà không thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ đã đăng ký, ...). (Tham khảo [Câu hỏi 16](#)).

❖ **Câu hỏi về vốn đầu tư (trường hợp thành lập công ty con)**

Câu hỏi 13: Xin cho biết về thủ tục chuyển vốn ra nước ngoài?

Trả lời: Để chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư cần mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài tại tổ chức tín dụng được phép của Việt Nam và đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với SBV. Thủ tục chi tiết tham khảo [Mục VIII Khoản 1.2, 1.3 tài liệu này](#). Sau khi nhận được Văn bản xác nhận của SBV, nhà đầu tư được thực hiện chuyển vốn ra nước ngoài. Về thủ tục chuyển vốn trước khi được cấp IRC, tham khảo [Mục VIII khoản 1.5 tài liệu này](#).

Câu hỏi 14: Các hình thức góp vốn đầu tư ra nước ngoài bên cạnh góp vốn bằng tiền?

Trả lời: Bên cạnh tiền (đồng Việt Nam, ngoại tệ), vốn đầu tư ra nước ngoài có thể được góp dưới các hình thức sau (Khoản 2 Điều 69 Nghị định 31):

- Máy móc, thiết bị; vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, hàng hóa thành phẩm, hàng hóa bán thành phẩm;
- Giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, thương hiệu, quyền đối với tài sản;
- Các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật dân sự, ...

Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật Nhật Bản, có trường hợp phải thẩm định giá khi góp vốn bằng hiện vật. Chi tiết về nội dung này vui lòng tham vấn các chuyên gia tại Nhật Bản.

Câu hỏi 15: Có quy định gì về mức vốn đầu tư của công ty con không?

Trả lời: Không có quy định pháp luật về mức vốn đầu tư. Nhà đầu tư có thể tự quyết định mức vốn phù hợp với quy mô kinh doanh của mình. Tuy nhiên, cần lưu ý có một số trường hợp do mức vốn đầu tư quá thấp nên ngân hàng tại Nhật Bản không cho phép mở tài khoản doanh nghiệp. Ngoài ra, nhà đầu tư sẽ phải nộp kèm tài liệu chứng minh năng lực tài chính của mình (thông thường là bản sao Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất) cùng với hồ sơ đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho MPI.

Câu hỏi 16: Có quy định về thời hạn góp vốn đầu tư ra nước ngoài không?

Trả lời: Không có quy định pháp luật về thời hạn góp vốn đầu tư ra nước ngoài. Tuy nhiên, nhà đầu tư phải đăng ký tiến độ thực hiện dự án đầu tư (thời điểm hoàn thành thủ tục đầu tư tại Nhật Bản, chính thức hoạt động, ...) trong hồ sơ đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Tiến độ này sẽ được ghi trên IRC. Quá thời hạn 24 tháng kể từ ngày được cấp IRC mà nhà đầu tư không thể thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ đăng ký thì cần thực hiện thủ tục điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư. Nếu không thực hiện thủ tục điều chỉnh thì IRC sẽ bị chấm dứt hiệu lực.

Câu hỏi 17: Vốn góp khi thành lập công ty con có được sử dụng làm vốn hoạt động kinh doanh không ?

Trả lời: Doanh nghiệp có thể sử dụng vốn góp làm vốn hoạt động kinh doanh.

❖ **Câu hỏi về thủ tục sau thành lập công ty con, chi nhánh**

Câu hỏi 18: Nhà đầu tư có nghĩa vụ báo cáo về hoạt động đầu tư cho cơ quan nhà nước Việt Nam không?

Trả lời: Định kỳ hằng quý, hằng năm, nhà đầu tư có nghĩa vụ thực hiện báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư và tình hình chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài cho các cơ quan như: MPI, Bộ Tài chính, SBV, Cơ quan quản lý thuế, Đại sứ quán hoặc Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Nhật Bản. (Chi tiết tham khảo [Mục VIII Khoản 2.3 tài liệu này](#)).

Câu hỏi 19: Nhà đầu tư có được cử lao động Việt Nam (người đã tuyển dụng tại Việt Nam) để đi làm việc tại công ty con hoặc chi nhánh tại Nhật Bản không?

Trả lời: Hoàn toàn có thể. Khi đó, nhà đầu tư phải thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật về việc đưa lao động Việt Nam sang Nhật Bản làm việc; tuân thủ quy định liên quan đến Luật lao động Nhật Bản; đồng thời chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc đưa lao động Việt Nam sang Nhật Bản làm việc.

Câu hỏi 20: Trường hợp muốn tăng vốn cho công ty con, nhà đầu tư cần thực hiện những thủ tục gì?

Trả lời: Nhà đầu tư cần thực hiện những thủ tục sau:

- Đăng ký điều chỉnh IRC tại MPI;
- Báo cáo bằng văn bản cho SBV trong vòng 30 ngày kể từ ngày được cấp IRC điều chỉnh;
- Thực hiện thủ tục tăng vốn đầu tư cho công ty con tại Nhật Bản;
- Chuyển vốn đầu tư tăng thêm.

Câu hỏi 21: Những trường hợp phải thực hiện thủ tục điều chỉnh IRC?

Trả lời: Cần điều chỉnh IRC trong các trường hợp như dưới đây:

- Thay đổi nhà đầu tư Việt Nam;
- Thay đổi hình thức đầu tư (Thay đổi hình thức từ chi nhánh thành công ty con, ...);
- Tăng vốn, giảm vốn, thay đổi hình thức vốn đầu tư (thay đổi hình thức góp vốn bằng tiền mặt sang hiện vật, ...) của công ty con tại Nhật Bản;
- Thay đổi mục tiêu chính của hoạt động đầu tư ở Nhật Bản, ...

Câu hỏi 22: Khi thành lập thêm chi nhánh hoặc công ty con tại Nhật Bản, nhà đầu tư có cần thực hiện thủ tục đăng ký tại Việt Nam không? Ngoài ra, nếu đã đăng ký đầu tư ra nước ngoài một lần rồi thì thủ tục đăng ký đầu tư các lần sau có đơn giản hơn không?

Trả lời: Thủ tục đăng ký đầu tư ra nước ngoài được thực hiện riêng cho mỗi một dự án (Tham khảo [Mục III tài liệu này](#)). Ngoài ra, nhà đầu tư cũng phải mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài cho từng dự án.

Câu hỏi 23: Quy định về việc sử dụng lợi nhuận thu được từ đầu tư ở Nhật Bản như thế nào?

Trả lời: Trừ trường hợp giữ lại lợi nhuận tại Nhật Bản để tái đầu tư (tăng vốn đầu tư, thực hiện dự án đầu tư mới), trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có báo cáo quyết toán thuế, nhà đầu tư phải chuyển toàn bộ lợi nhuận thu được tại Nhật Bản về Việt Nam. Thời hạn này có thể kéo dài thêm tối đa 12 tháng kể từ ngày hết thời hạn 06 tháng trên. (Chi tiết tham khảo [Mục VIII Khoản 1.4 tài liệu này](#).)

Câu hỏi 24: Nhà đầu tư đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nhật Bản cho khoản lợi nhuận phát sinh tại Nhật Bản rồi thì khi chuyển lợi nhuận này về Việt Nam có phải nộp thuế nữa không?

Trả lời: Lợi nhuận phát sinh tại Nhật Bản khi chuyển về Việt Nam sẽ được coi là doanh thu của công ty mẹ nên sẽ phải kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (CIT) theo quy định của pháp luật Việt Nam. Thuế suất CIT là 20%. Khoản CIT công ty mẹ ở Việt Nam phải nộp được tính theo công thức sau:

$$\text{CIT công ty mẹ ở Việt Nam phải nộp} = \text{CIT phải nộp ở Việt Nam theo quy định} - (\text{CIT đã nộp ở Nhật Bản} + \text{CIT được miễn, giảm ở Nhật Bản})$$

Số thuế được trừ không vượt quá CIT phải nộp tính theo quy định của pháp luật Việt Nam.

❖ **Các câu hỏi khác**

Câu hỏi 25: Trường hợp đầu tư sang Nhật Bản và trường hợp đầu tư sang các quốc gia khác, thủ tục cần thực hiện và thành phần hồ sơ cần nộp tại Việt Nam có gì khác nhau không?

Trả lời: Thủ tục, hồ sơ, thời gian cấp phép, ... hoàn toàn không có gì khác nhau.

Câu hỏi 26: Nhà đầu tư cá nhân có thể thành lập cơ sở kinh doanh tại Nhật Bản không? Nếu có thì thủ tục đầu tư như thế nào?

Trả lời: Nhà đầu tư là cá nhân cũng có thể thành lập doanh nghiệp tại Nhật Bản. Thủ tục đăng ký đầu tư tại Việt Nam trong trường hợp này hoàn toàn giống với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp. Tuy nhiên, thay vì nộp báo cáo tài chính của doanh nghiệp, nhà đầu tư cần cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực tài chính như Xác nhận số dư tài khoản ngân hàng.

PHỤ LỤC I: BIỂU MẪU

Mẫu số 01 – Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài	34
Mẫu số 02 – Bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài.....	37
Mẫu số 03 – Quyết định đầu tư ra nước ngoài của Nhà đầu tư.....	42
Mẫu số 04 – Đề xuất dự án đầu tư ra nước ngoài	44
Mẫu số 05 – Văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ.....	47
Mẫu số 06 – Thông báo về việc lập chi nhánh ở nước ngoài	48
Mẫu số 07 – Thông báo hoạt động đầu tư ở nước ngoài	50
Mẫu số 08 – Báo cáo tình hình chuyên vốn đầu tư ra nước ngoài.....	51
Mẫu số 09 – Báo cáo tình hình hoạt động dự án đầu tư định kỳ hằng quý	53
Mẫu số 10 – Báo cáo tình hình hoạt động dự án đầu tư định kỳ hằng năm	56
Mẫu số 11 – Báo cáo tình hình hoạt động dự án đầu tư định kỳ hằng năm (sau khi có quyết toán thuế tại nước ngoài).....	60
Mẫu số 12 – Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.....	62
Mẫu số 13 – Thông báo kéo dài thời hạn chuyển lợi nhuận của dự án đầu tư ra nước ngoài về nước	64

Mẫu số 01 – Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Mã số:

Chứng nhận lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; hoặc Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số .../2021/TT-BKHĐT ngày ... của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ (văn bản) số ... ngày ... của Quốc hội/Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài (đối với trường hợp dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài);

Theo đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của... (tên các nhà đầu tư) kèm theo hồ sơ nộp ngày ... và các tài liệu giải trình, bổ sung nộp ngày ... (nếu có).

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Chứng nhận nhà/các nhà đầu tư:

1. Thông tin của nhà đầu tư thứ 1: ...;
2. Thông tin của nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): ...,

(cách ghi: Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Ghi tên; mã số doanh nghiệp, nơi cấp; địa chỉ trụ sở; Đối với cá nhân: Ghi tên; ngày sinh, tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư số, ngày cấp, nơi cấp, mã số thuế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; chỗ ở hiện tại)

đăng ký đầu tư ra nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư tại ... (tên quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư).

Điều 1:

Hình thức đầu tư ra nước ngoài: ... (một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư)

Tên dự án: ...

Tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài (nếu có): ...

Địa điểm thực hiện hoạt động đầu tư: ... (đối với hồ sơ dự án có tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư).

Điều 2:

1. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu chính:...

Mục tiêu khác:...

2. Quy mô dự án (*đối với hồ sơ dự án có tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư*) ...

3. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư (*nếu có*):...

Điều 3:

1. Vốn đầu tư ra nước ngoài của (các) nhà đầu tư là ..., trong đó bằng tiền mặt là ..., bằng máy móc, thiết bị, hàng hóa, tài sản khác trị giá ... là vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư/vốn vay/lợi nhuận giữ lại tại nước ngoài, trong đó:

- (*Nhà đầu tư thứ nhất*) góp ...: trong đó bằng tiền mặt là ..., bằng máy móc, thiết bị, hàng hóa, tài sản khác trị giá ..., là vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư/vốn vay/lợi nhuận giữ lại tại nước ngoài, trong đó vốn cho tổ chức ở nước ngoài vay là .../bảo lãnh cho tổ chức kinh tế tại nước ngoài vay là ...

- (*Nhà đầu tư tiếp theo - nếu có*) góp ...

(*Cách ghi vốn đầu tư: ghi bằng số và bằng chữ, bằng loại ngoại tệ dùng để đầu tư; sau đó, quy đổi sang đô la Mỹ*)

2. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:

- Hoàn thành thủ tục đầu tư tại nước ngoài: Trong thời hạn ... tháng;

- Đi vào hoạt động: Trong thời hạn ... tháng.

Điều 4:

(Các) nhà đầu tư có trách nhiệm:

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (gọi tắt là Luật Đầu tư), Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) và các quy định khác của luật pháp Việt Nam trong phạm vi có liên quan đến việc thực hiện đầu tư ra nước ngoài, chịu trách nhiệm về thẩm quyền, hình thức, giá trị pháp lý của quyết định đầu tư ra nước ngoài, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư ở nước ngoài.

- Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo toàn vốn nhà nước trong quá trình tiến hành hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan (*áp dụng đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước*).

- Thực hiện việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 66 của Luật Đầu tư và Điều 82 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Thực hiện chuyển lợi nhuận về nước theo quy định tại Điều 68 của Luật Đầu tư.

- Thực hiện chế độ báo cáo bằng văn bản và thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 73 của Luật Đầu tư và quy định tại Điều 83 của Nghị định 31/2021/NĐ-CP (bao gồm thông báo thực hiện dự án, báo cáo định kỳ quý/năm, báo cáo sau khi có quyết toán thuế tại nước ngoài, báo cáo theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước).

Điều 5:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài này được lập thành ...*(bằng chữ)* bản; ... bản chính cấp cho ... *(tên từng nhà đầu tư)*, bản gốc lưu tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư và sao gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú, cơ quan thuế nơi xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư, cơ quan đại diện chủ sở hữu của nhà đầu tư *(nếu có)*.

BỘ TRƯỞNG

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02 - Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(Các) nhà đầu tư đăng ký đầu tư ra nước ngoài với nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Thông tin của nhà đầu tư Việt Nam thứ nhất:

a. Trường hợp nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:..... Ngày sinh:Quốc tịch:
...(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)¹ số: ...; ngày cấp.....; Cơ quan cấp:...
Mã số thuế:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Địa chỉ liên hệ (trường hợp khác với chỗ ở hiện tại):
Điện thoại:Fax:Email (nếu có):

b. Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức/doanh nghiệp:

Tên tổ chức/doanh nghiệp:
...(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)² số:; ngày cấp.....; Cơ quan cấp...
Địa chỉ trụ sở:
Mã số thuế:
Điện thoại:Fax:Email (nếu có):.....
Địa chỉ liên hệ/giao dịch (trường hợp khác với địa chỉ trụ sở):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Ngày sinh: Quốc tịch:
Chức danh:.....
(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:; ngày cấp; Cơ quan cấp ...
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:

[Nhà đầu tư tích [x] chọn kiểu nhà đầu tư phù hợp]

¹ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác

² Là một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương.

Doanh nghiệp Nhà nước

Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu (nếu có): ... Tỷ lệ % vốn nhà nước:...

Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Tỷ lệ % vốn nước ngoài:...

Tổ chức kinh tế khác

2. Thông tin của nhà đầu tư Việt Nam tiếp theo (nếu có): Kê khai tương tự thông tin như nhà đầu tư thứ nhất

3. Đối tác nước ngoài tham gia dự án (nếu có):

a. Trường hợp đối tác là cá nhân:

Họ tên:..... Quốc tịch:

...(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:; ngày cấp.....; Cơ quan cấp

b. Trường hợp đối tác là tổ chức/doanh nghiệp:

Tên tổ chức/doanh nghiệp:

...(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức) số:; ngày cấp.....; Cơ quan cấp.....

Đăng ký đầu tư sang ... (quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư) theo hình thức:

[Nhà đầu tư tích [x] vào một trong những hình thức đầu tư quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư]

- Thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư
- Đầu tư theo hình thức Hợp đồng ... (ghi rõ tên loại hợp đồng) ở nước ngoài
- Góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài để tham gia quản lý tổ chức kinh tế đó
- Hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư: ...

II. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

1. Tên dự án: ... (nhà đầu tư tự xác định, trong đó có gắn với mục tiêu hoạt động chính)

2. Tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài: ... [ghi rõ đối với hình thức đầu tư quy định tại điểm a và c khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư; tên tổ chức kinh tế bằng tiếng Anh, kèm dịch tiếng Việt (nếu có)]

- Tên giao dịch (nếu có): ...

- Địa chỉ trụ sở: ... [ghi đầy đủ địa chỉ trụ sở chính thức hoặc dự kiến ở nước ngoài.

Địa chỉ được ghi bằng tiếng Anh, kèm dịch tiếng Việt (nếu có)]

3. Địa điểm thực hiện hoạt động đầu tư: ... [chỉ ghi đối với trường hợp hoạt động đầu tư thuộc diện có tài liệu xác nhận địa điểm quy định tại Điều 73 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP]

4. Mục tiêu và quy mô hoạt động:

- Mục tiêu chính (nhà đầu tư tự xác định): ...

- Mục tiêu khác (nếu có):

- Quy mô dự án (đối với dự án có tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư): ... [công suất, diện tích,...]

5. Vốn đầu tư ra nước ngoài:

5.1. Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài là ... (bằng chữ) ... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư).

Vốn đầu tư ra nước ngoài của (các) nhà đầu tư Việt Nam là ... (bằng chữ) ... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư), tương đương ... (bằng chữ) đồng Việt Nam, tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

(Tỷ giá ... ngày ... của ...)

5.2. Hình thức vốn góp đầu tư ra nước ngoài:

Hình thức vốn	Tiền mặt (1)		Máy móc, thiết bị, hàng hóa (2)		Tài sản khác (ghi rõ) (3)		Tổng (1+2+3)	
	(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)	USD	(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)	USD	(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)	USD	(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)	USD
Đơn vị tính								
(Tên nhà đầu tư 1)								
(Tên nhà đầu tư tiếp theo)								
...								
Tổng cộng								

5.3. Nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài:

[Từng nhà đầu tư giải trình về nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài]

... (ghi rõ tên nhà đầu tư) sử dụng nguồn vốn như sau:

- Vốn chủ sở hữu:

- Vốn vay:

- Lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ra nước ngoài được giữ lại để thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài: ...

[- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, nhà đầu tư giải trình và cam kết về việc tuân thủ quy định tại Điều 70 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP;

- Trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước, nhà đầu tư giải trình và cam kết về việc tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp]

... (ghi rõ tên nhà đầu tư) cam kết về tính hợp pháp của nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài và cam kết tự chịu trách nhiệm về hiệu quả của dự án.

5.4. Nhu cầu sử dụng phân vốn đầu tư ra nước ngoài

[Không áp dụng với hình thức theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư]

- Vốn cố định: (ghi rõ số tiền cho từng hạng mục dự kiến sử dụng nếu có của dự án. Ví dụ: xây dựng công trình nhà xưởng, kho bãi, máy móc, thiết bị, trang thiết bị văn phòng, chi

phí sửa chữa nâng cấp, các tài sản cố định khác).....đơn vị tính:..... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư)

- Vốn lưu động: đơn vị tính:..... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư)

5.5. Vốn cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay và/hoặc bảo lãnh cho tổ chức kinh tế tại nước ngoài vay:

Đơn vị tính: ... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư)

Tên nhà đầu tư	Số tiền	
	Cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay	Bảo lãnh cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay
(Tên nhà đầu tư 1)		
(Tên nhà đầu tư tiếp theo)		
Tổng cộng		

5.6. Vốn đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (có xác nhận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép chuyển): (nếu có)

- Văn bản cho phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số ... ngày ...

- Số tài khoản ngoại tệ trước đầu tư³ ... tại Ngân hàng ...

6. Tiến độ thực hiện hoạt động đầu tư kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:

- Hoàn thành thủ tục đầu tư tại nước ngoài: Trong thời hạn ... tháng

- Đi vào hoạt động: Trong thời hạn ... tháng

7. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư (nếu có): ...

8. Kiến nghị của nhà đầu tư (nếu có): ...

III. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT

Nhà đầu tư cam kết các nội dung sau đây:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư ở nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Đầu tư;

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và quy định pháp luật của quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO

- ...

(Nhà đầu tư nộp kèm theo các văn bản theo quy định tại Điều 75 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đối với trường hợp dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Quốc hội/Thủ tướng Chính phủ; hoặc Điều 78 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đối với các trường hợp còn lại)

³ Khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà đầu tư

*(nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh
doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ
chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ
tên, chức danh và đóng dấu nếu có)*

Mẫu số 3 - Quyết định đầu tư ra nước ngoài của Nhà đầu tư

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH/NGHỊ QUYẾT⁴

(V/v đầu tư ra nước ngoài)

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/CHỦ TỊCH CÔNG TY/ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/CHỦ SỞ HỮU/...

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số .../2021/TT-BKHĐT ngày ... tháng ... năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Biên bản họp số ... ngày ... tháng ... năm ... của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/... (ghi rõ tên nhà đầu tư)(nếu có);

Căn cứ Điều lệ của ... (ghi rõ tên nhà đầu tư).

QUYẾT ĐỊNH/QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đầu tư ra nước ngoài với các nội dung sau

1. Thông tin hoạt động đầu tư ra nước ngoài

Hình thức đầu tư ra nước ngoài: ... (một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư)

Tên dự án:...

Tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài (nếu có): ...

Địa điểm thực hiện hoạt động đầu tư (đối với dự án có tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư): ...

2. Mục tiêu và quy mô hoạt động

Mục tiêu chính: ...

Mục tiêu khác: ...

Quy mô dự án (đối với dự án có tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư): ...

3. Vốn đầu tư ra nước ngoài

Vốn đầu tư ra nước ngoài của ... (ghi rõ tên nhà đầu tư) là ..., trong đó:

⁴ Nhà đầu tư tự xác định hình thức pháp lý văn bản theo quy định của pháp luật

(i) Hình thức vốn đầu tư ra nước ngoài:

- Tiền mặt: ...
- Máy móc, thiết bị, hàng hóa trị giá: ...
- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản*) trị giá: ...

(ii) Nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư: ...
- Vốn vay (*nếu có*): ...

(iii) Vốn cho vay và/hoặc bảo lãnh ra nước ngoài:

- Cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay (*nếu có*): ...
- Bảo lãnh cho tổ chức kinh tế tại nước ngoài vay (*nếu có*): ...

[Cách ghi vốn đầu tư: ghi bằng số và bằng chữ, bằng loại ngoại tệ dùng để đầu tư; sau đó, quy đổi sang đô la Mỹ]

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao ... (*đơn vị, cá nhân*) ...

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định/ng nghị quyết này có hiệu lực kể từ ...; ...(*đơn vị, cá nhân có liên quan*) có trách nhiệm thi hành quyết định/ng nghị quyết này.

Nơi nhận:

- (*tổ chức, cá nhân có liên quan*);
- Lưu...

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
...(tổ chức ra quyết định/ng nghị quyết...)
(*ghi rõ họ tên và chức danh, ký, đóng dấu -*
nếu có)

Mẫu số 04 - Đề xuất dự án đầu tư ra nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

(Các) nhà đầu tư giải trình về dự án đầu tư ra nước ngoài như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Tên nhà đầu tư Việt Nam thứ nhất: ...

2. Tên nhà đầu tư Việt Nam tiếp theo (nếu có): ...

[chỉ cần ghi tên, không cần ghi các thông tin khác]

II. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

1. Tên dự án: ... *[như ghi tại Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài]*

Hình thức đầu tư ra nước ngoài: ... *[như ghi tại Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài]*

2. Tên tổ chức kinh tế thành lập ở nước ngoài: ... *[như ghi tại Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài]*

Địa chỉ trụ sở: ...

3. Địa điểm thực hiện hoạt động đầu tư: ... *[như ghi tại Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài]*

4. Mục tiêu và quy mô hoạt động: *[như ghi tại Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài]*

- Mục tiêu chính: ...

- Mục tiêu khác (nếu có): ...

- Quy mô dự án (đối với dự án có tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư): .

5. Vốn đầu tư ra nước ngoài:

5.1. Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài là ... (bằng chữ) ... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư), tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Vốn đầu tư ra nước ngoài của (các) nhà đầu tư Việt Nam là ... (bằng chữ) ... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư), tương đương ... (bằng chữ) đồng Việt Nam, tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó phần vốn đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài là ... (bằng chữ) ... (loại ngoại tệ dùng để đầu tư), tương đương ... (bằng chữ) đồng Việt Nam, tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ (nếu có).

5.2. Giải trình làm rõ cơ sở xác định quy mô đầu tư của dự án; nội dung đầu tư cụ thể của dự án; phương án huy động vốn đầu tư; cơ cấu nguồn vốn đầu tư; các giai đoạn đầu tư (nếu có).

5.3. Nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài:

[Từing nhà đầu tư giải trình về nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài như sau]

... (ghi rõ tên nhà đầu tư) sử dụng nguồn vốn như sau:

- Vốn chủ sở hữu: ...

- Vốn vay: ...

- Dự kiến nguồn vốn vay (*Vay của tổ chức tín dụng (trong và ngoài nước)...*, giá trị, thời hạn, lãi suất): ...

- Lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ra nước ngoài được giữ lại để thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài: ...

[- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, nhà đầu tư giải trình về việc tuân thủ quy định tại Điều 70 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP;

- Trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước, nhà đầu tư giải trình về việc tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp]

5.4. Vốn cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay và/hoặc bảo lãnh cho tổ chức kinh tế tại nước ngoài vay:

Đơn vị tính: ... (*loại ngoại tệ dùng để đầu tư*)

Tên nhà đầu tư	Số tiền	
	Cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay	Bảo lãnh cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay
(Tên nhà đầu tư 1)		
(Tên nhà đầu tư tiếp theo)		
...		
Tổng cộng		

6. Tiến độ thực hiện hoạt động đầu tư của dự án kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:

- Hoàn thành thủ tục đầu tư tại nước ngoài: Trong thời hạn ... tháng

- Đi vào hoạt động: Trong thời hạn ... tháng

7. Các giải pháp về cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu đáp ứng nhu cầu hoạt động đầu tư ra nước ngoài; trong đó việc cung cấp từ Việt Nam (*nếu có*): ...

Quy trình công nghệ chủ yếu và phương án mua sắm máy móc thiết bị (*nếu có*): ...

8. Đánh giá sự cần thiết phải đầu tư ra nước ngoài: ...

9. Phân tích rủi ro: ...

10. Dự kiến hiệu quả kinh tế và thực hiện nghĩa vụ tài chính:

Đơn vị tính: ... (*loại ngoại tệ dùng để đầu tư*)

	Tên chỉ tiêu	Năm hoạt động thứ 1: (<i>theo năm tài chính</i>)	Năm hoạt động tiếp theo	...	Tổng
1=2+3 +....	Doanh thu				

2	<i>Từ hoạt động/sản phẩm...</i>				
3	<i>Từ hoạt động/sản phẩm...</i>				
...	...				
4	Lợi nhuận trước thuế:				
5	Lợi nhuận sau thuế:				
6=7+8	Lợi nhuận được chia của nhà đầu tư Việt Nam Trong đó:				
7	- <i>Sử dụng đầu tư ở nước ngoài</i> <i>Ghi rõ phần lợi nhuận giữ lại đầu tư ở nước ngoài đã làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài</i>				
8	+ <i>Chuyển về Việt Nam</i>				
9	+ <i>Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước Việt Nam (VND)</i>				

11. Đánh giá chung về hiệu quả kinh tế, dự kiến khả năng và thời gian thu hồi vốn đầu tư: ...

III. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động đầu tư ở nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Đầu tư.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà đầu tư

*(nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện
theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký,
ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu - nếu có)*

Mẫu số 05 - Văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN CAM KẾT TỰ CÂN ĐỐI NGUỒN NGOẠI TỆ

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(Các) nhà đầu tư... (*ghi rõ tên nhà đầu tư*) cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ chuyển ra nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư tại nước ngoài với các nội dung như sau:

Tên dự án/Tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài: ...

Địa chỉ trụ sở: ...

Địa điểm thực hiện dự án: ...

Mục tiêu chính của dự án: ...

Vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư: ... (*bằng chữ*) ... (*loại ngoại tệ dùng để đầu tư*), tương đương ... đô la Mỹ

Nhà đầu tư... (*ghi rõ tên nhà đầu tư*) có ngoại tệ trên tài khoản tại Ngân hàng ... (*ghi rõ tên, tổ chức tín dụng được phép*) với số dư⁵ tính đến ngày ... là ... (*bằng chữ*) ... (*loại ngoại tệ dùng để đầu tư*)/đô la Mỹ để thực hiện dự án đầu tư.

[*Gửi kèm theo văn bản của tổ chức tín dụng xác nhận số dư tài khoản ngoại tệ đủ để đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư*]

(Các) nhà đầu tư ... (*ghi rõ tên nhà đầu tư*) cam kết về tính hợp pháp của nguồn ngoại tệ và tính trung thực, chính xác của nội dung kê khai.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà đầu tư

(*nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu - nếu có*)

⁵ Số lượng ngoại tệ bằng hoặc lớn hơn vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư

Mẫu số 06 - Thông báo về việc lập chi nhánh ở nước ngoài

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc lập chi nhánh ở nước ngoài

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): Ngày cấp/...../..... Nơi cấp:

Thông báo về việc lập chi nhánh ở nước ngoài như sau:

1. Tên chi nhánh

Tên chi nhánh viết bằng Tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

.....

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ chi nhánh:

.....

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

3. Số Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh hoặc giấy tờ tương đương khác:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

4. Ngành, nghề kinh doanh:

.....

5. Người đứng đầu chi nhánh:

Họ tên người đứng đầu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân

Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):.../.../...

Địa chỉ thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Địa chỉ liên lạc:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Người ký tại Thông báo này cam kết là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

Mẫu số 07 – Thông báo thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài

Kính gửi: - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- ... (ghi rõ tên Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư, nếu có)

(Các) nhà đầu tư ... (ghi rõ tên nhà đầu tư) đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số ... ngày ... thông báo thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài như sau:

- Đã được quốc gia/vùng lãnh thổ ... (tên quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư) chấp thuận hoạt động đầu tư tại văn bản số ... ngày ... hoặc được tổ chức kinh tế ... (tổ chức nhà đầu tư mua cổ phần, phần vốn góp) chứng nhận sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc các hình thức chấp thuận khác theo quy định của quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư.

- Địa chỉ trụ sở tại quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư: ... (ghi chi tiết địa chỉ).

- Tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài số ... mở tại ... (tên tổ chức tín dụng được phép tại Việt Nam).

- Hoạt động đầu tư được thực hiện từ tháng ... năm ...

Tài liệu gửi kèm:

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

- Bản sao văn bản chấp thuận đầu tư của quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư/Bản sao văn bản chứng nhận sở hữu cổ phần, văn bản ghi nhận thành viên, cổ đông (đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp)/Bản sao các văn bản khác có giá trị pháp lý tương đương;

- Bản sao văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (nếu có);

- Bản sao các tài liệu liên quan khác (nếu có).

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà đầu tư

(nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu - nếu có)

Mẫu số 08 - Báo cáo tình hình thực hiện chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài

Tên nhà đầu tư:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số dự án đầu tư:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI
(Quý năm)

Đơn vị tính: Nghìn USD

STT	Tên dự án	Năm cấp phép	Nước tiếp nhận đầu tư	Tổng vốn đầu tư của dự án theo GCN ĐKĐT	Vốn góp của nhà đầu tư theo GCN ĐKĐT		Số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp GCN ĐKĐT	Giá trị góp vốn kỳ báo cáo				Giá trị góp vốn lũy kế				Lợi nhuận và thu nhập hợp pháp đã chuyển về VN		Vốn đầu tư đã chuyển về VN		Dự kiến nhu cầu chuyển vốn trong quý tiếp theo		Tổ chức tín dụng được phép thực hiện		Ghi chú
					Vốn tự có	Vốn vay		Bảng tiền	Lợi nhuận được giữ lại tái đầu tư	Cho vay đối với pháp nhân thực hiện dự	Bảo lãnh đối với pháp nhân thực hiện dự	Giá trị góp vốn khác	Bảng tiền	Lợi nhuận được giữ lại tái đầu tư	Cho vay đối với pháp nhân thực hiện dự	Bảo lãnh đối với pháp nhân thực hiện dự	Giá trị góp vốn khác	Kỳ báo cáo	Lũy kế	Kỳ báo cáo	Lũy kế	Bảng tiền	Giá trị góp vốn khác	

											án đầu tu ở nước ngoài	án đầu tu ở nước ngoài				án đầu tu ở nước ngoài	án đầu tu ở nước ngoài													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28			
1	Dự án 1																													
2	Dự án 2																													
...	...																													
Tổng cộng																														

Ngày... tháng...năm

NHÀ ĐẦU TƯ

- 1. Đối tượng áp dụng:** Nhà đầu tư Việt Nam (cá nhân, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng...) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và đã thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.
- 2. Thời gian gửi báo cáo:** Chậm nhất ngày 5 của tháng đầu quý tiếp theo ngay sau quý báo cáo.
- 3. Hình thức báo cáo:** Bằng văn bản.
- 4. Đơn vị nhận báo cáo:** NHNN chi nhánh, tỉnh thành phố nơi nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng có trụ sở chính hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú hoặc nơi nhà đầu tư khác đăng ký kinh doanh.

Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình hoạt động dự án đầu tư định kỳ hàng quý

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG QUÝ

(Quý.... năm)

(Số liệu báo cáo tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối thuộc Quý báo cáo)

(Thời hạn thực hiện báo cáo: Trước ngày 20 của tháng cuối thuộc Quý báo cáo)

Phần I: Thông tin chung

Nhà đầu tư thứ nhất			
Mã số thuế			
Địa chỉ			
Số điện thoại			
Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): Ghi tương tự như nhà đầu tư thứ nhất			
Số điện thoại liên hệ của người làm báo cáo		Email:	

Phần II: Tình hình thực hiện hoạt động đầu tư

Tên chỉ tiêu	Vốn đăng ký đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam	Số vốn đã chuyển ra nước ngoài trong Quý báo cáo (không phải lũy kế)	Số tiền đã chuyển về nước trong Quý báo cáo	Số lao động chuyển ra nước ngoài trong Quý báo cáo
--------------	--	--	---	--

Đơn vị tính	<i>(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)</i>	USD	<i>(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)</i>	USD	<i>(loại ngoại tệ dùng để đầu tư)</i>	USD	Người
(Tên nhà đầu tư thứ nhất)							
<i>Chia ra:</i>	X						
- Tiền mặt							
- Máy móc, thiết bị							
- Tài sản khác							
(Tên nhà đầu tư tiếp theo)							
...							
Tổng số							

Phần III: Tiến độ thực hiện hoạt động đầu tư

Tiến độ thực hiện dự án so với Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài (Nhà đầu tư chọn [x] vào các ô tương ứng)	Trình bày lý do/giải pháp khắc phục
<input type="checkbox"/> Đúng tiến độ	
<input type="checkbox"/> Chậm tiến độ	
<input type="checkbox"/> Khó khăn, vướng mắc	
<input type="checkbox"/> Không có khả năng triển khai	

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà đầu tư

(nhà đầu tư cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 10 - Báo cáo tình hình hoạt động dự án đầu tư định kỳ hằng năm

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ NĂM
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI NƯỚC NGOÀI**

(Năm....)

(Số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo)

(Thời hạn thực hiện báo cáo: Trước ngày 20 tháng 12 của kỳ báo cáo)

Phần I: Thông tin nhà đầu tư

(Tên nhà đầu tư thứ nhất)			
Mã số thuế			
Địa chỉ			
Số điện thoại			
(Tên nhà đầu tư tiếp theo) (nếu có)			
...			
Số điện thoại của người làm báo cáo		Email:	

Phần II: Thông tin hoạt động đầu tư ra nước ngoài

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số	Ngày cấp	Điều chỉnh <i>(nếu có)</i>
Giấy phép/Văn bản chấp thuận đầu tư của nước tiếp nhận đầu tư hoặc tài liệu tương đương chính minh quyền đầu tư số	Ngày cấp	Cơ quan cấp
Tên dự án/ tổ chức kinh tế ở nước ngoài		
Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài (ghi chi tiết)		
Số điện thoại		Email:

Mục tiêu hoạt động chính	
--------------------------	--

Phần III: Tình hình thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện Năm báo cáo (Tính đến ngày 14/12 của năm báo cáo)			Luỹ kế từ khi cấp GCNĐK ĐTRNN đến 14/12 của năm báo cáo		
		(Nhà đầu tư thứ nhất)	(Nhà đầu tư tiếp theo – nếu có)	Tổng các nhà đầu tư	(Nhà đầu tư thứ nhất)	(Nhà đầu tư tiếp theo – nếu có)	Tổng các nhà đầu tư
1. Vốn đã chuyển ra nước ngoài							
- Tiền mặt	USD						
- Máy móc, thiết bị, hàng hoá	USD						
- Tài sản khác	USD						
2. Số lao động Việt Nam	Người						
3. Tiền chuyển về nước							
- Lợi nhuận	USD						
- Các khoản khác (ghi rõ, ví dụ: thu hồi vốn góp, vốn cho vay ra nước ngoài, vốn bảo lãnh, ...)	USD						
4. Tiền giữ lại để tái đầu tư	USD						
5. Nghĩa vụ tài chính với Nhà nước (ghi rõ)	USD						

Phần IV: Dự kiến thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài năm tới

Dự kiến vốn chuyển ra năm tới	<i>(Năm tiếp theo năm báo cáo)</i>		
	<i>(Nhà đầu tư thứ nhất)</i>	<i>(Nhà đầu tư tiếp theo – nếu có)</i>	<i>Tổng các nhà đầu tư</i>
- Tiền mặt			
- Máy móc, thiết bị, hàng hoá			
- Tài sản khác			

Phần V: Tiến độ thực hiện hoạt động đầu tư

Tiến độ thực hiện dự án so với Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài <i>(Nhà đầu tư chọn [x] vào các ô tương ứng)</i>	Trình bày lý do/giải pháp khắc phục						
<input type="checkbox"/> Đúng tiến độ							
<input type="checkbox"/> Chậm tiến độ							
<input type="checkbox"/> Khó khăn, vướng mắc							
<input type="checkbox"/> Không có khả năng triển khai							

- Tiến độ thực hiện dự án: *[mô tả đầy đủ hoạt động kinh doanh của dự án sau khi đi vào hoạt động chính thức/bắt đầu kinh doanh]*

- Tình hình thực hiện các mục tiêu quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài *[nêu rõ đã thực hiện các mục tiêu hoạt động nào nếu dự án có nhiều hơn 1 mục tiêu hoạt động]*.

- Mục đích sử dụng vốn: *[nêu rõ vốn đã chuyển ra nước ngoài đã được sử dụng vào việc gì, có đúng mục tiêu hoạt động của dự án không]*

- Các vấn đề khác và đánh giá chung: *[các nội dung khác liên quan đến dự án mà nhà đầu tư muốn mô tả, VD: thực hiện an sinh xã hội ở nước tiếp nhận đầu tư...]*

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà đầu tư

(nhà đầu tư cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 11 - Báo cáo tình hình hoạt động dự án đầu tư định kỳ hằng năm (sau khi có quyết toán thuế tại nước ngoài)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI CHO
NĂM TÀI CHÍNH ...**

- Kính gửi: - Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Bộ Tài chính và ... (cơ quan quản lý thuế tại địa phương)
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- ... (cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp)
- ... (tên cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư)

(Các) nhà đầu tư... (ghi rõ tên nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án đầu tư tại nước ngoài đến ngày... như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số:...; cấp ngày ..., điều chỉnh lần ... ngày ... (nếu có)

Tên dự án/tổ chức kinh tế ở nước ngoài:...

Tài khoản chuyển vốn bằng tiền mặt ra nước ngoài:

Số tài khoản: ...; Ngân hàng mở tài khoản: ...

Đánh giá kết quả đầu tư kinh doanh:

1. Ngày có báo cáo quyết toán thuế/văn bản có giá trị pháp lý tương đương của năm: ...
2. Đánh giá hiệu quả kinh tế và thực hiện nghĩa vụ tài chính:

	Chỉ tiêu <i>Đơn vị tính:.. (loại ngoại tệ dùng để đầu tư)</i>	<i>(Năm tài chính)</i>	Lũy kế từ năm đi vào hoạt động đến hết (năm tài chính)
1= 2+3 +...	Doanh thu		
2	<i>Từ hoạt động/sản phẩm...</i>		
3	<i>Từ hoạt động/sản phẩm...</i>		
...	...		
4	Lợi nhuận trước thuế:		

	Chỉ tiêu <i>Đơn vị tính:.. (loại ngoại tệ dùng để đầu tư)</i>	<i>(Năm tài chính)</i>	Lũy kế từ năm đi vào hoạt động đến hết (năm tài chính)
5	Lợi nhuận sau thuế:		
6=7+8	Lợi nhuận được chia của nhà đầu tư Việt Nam Trong đó:		
7	+ <i>Sử dụng đầu tư tiếp ở nước ngoài</i>		
8	+ <i>Chuyển về Việt Nam</i>		
9	+ <i>Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước Việt Nam</i>	<i>(USD/VND)</i>	<i>(USD/VND)</i>
10	Tình hình thu hồi vốn về nước	<i>(USD/VND)</i>	<i>(USD/VND)</i>

3. Giải trình về nghĩa vụ chuyển lợi nhuận về nước, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước Việt Nam [theo các quy định tại Điều 67, 68 Luật Đầu tư]: ...

IV. KIẾN NGHỊ (nếu có)

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác của nội dung báo cáo và tài liệu gửi kèm.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

- Báo cáo quyết toán thuế/văn bản có giá trị pháp lý tương đương của năm... theo quy định của pháp luật của quốc gia/vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà đầu tư

(nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu - nếu có)

Mẫu số 12 - Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý Ngoại hối)
hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh/thành phố ...**

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số ngày

Căn cứ vào thỏa thuận, cam kết tiến độ góp vốn đầu tư của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư của *{Tên nhà đầu tư}*;

{Tên nhà đầu tư} đăng ký với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố về giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

- Tên nhà đầu tư:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số ngày

- Văn bản cho phép mở chi nhánh, văn phòng đại diện, ở nước ngoài số ngày..... *{đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng}*

- Giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư số ngày

- Tên Dự án/ Tên Hợp đồng BCC:

- Địa điểm thực hiện Dự án:

- Tổng vốn đầu tư được cấp phép theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:

- Giá trị góp vốn của Nhà đầu tư:, Trong đó:

- Bằng tiền:

+ Bằng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (Máy móc; hàng hóa; lợi nhuận giữ lại tái đầu tư; tài sản khác): *{chi Tiết các hình thức góp vốn}*

- Số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:...

+ Thời gian chuyển:

+ Mục đích sử dụng:

+ Tài khoản ngoại tệ trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số, mở tại ngày

II. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VỀ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI:

1. Vốn đầu tư bằng tiền thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư {Loại ngoại tệ} số: mở tại: ngày

2. Tổng vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài:

3. Tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

TT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bằng tiền			Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư			Giá trị góp vốn khác		
		Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ
1	Quý....Năm... .									
2	Quý....Năm... .									
....									

(Chi Tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

III. CAM KẾT:

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư) cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin ghi trong Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký nêu trên của {Tên nhà đầu tư}.

2. {Tên nhà đầu tư} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

.....
.....

NHÀ ĐẦU TƯ

Mẫu số 13 - Thông báo kéo dài thời hạn chuyển lợi nhuận của dự án đầu tư ra nước ngoài về nước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Kéo dài thời hạn chuyển lợi nhuận của dự án đầu tư ra nước ngoài về Việt Nam

Kính gửi: - Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Các) nhà đầu tư ... (*tên nhà đầu tư*) đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số ... ngày ..., thông báo thời hạn chuyển lợi nhuận về Việt Nam như sau:

1. Năm tài chính ... (*ghi rõ năm tài chính, ví dụ: 01/01/2020-31/12/2020*)

Ngày có báo cáo quyết toán thuế của năm ... (*năm tài chính nêu trên*): Ngày ...

Lợi nhuận của dự án trong năm ... (*năm tài chính nêu trên*) như sau:

	Tên chỉ tiêu	Số tiền	
		(<i>loại ngoại tệ dùng để đầu tư</i>)	USD
1	Lợi nhuận sau thuế được chia của nhà đầu tư Việt Nam		
2	Lợi nhuận của nhà đầu tư Việt Nam đã chuyển về nước		
3 = 1+2	Lợi nhuận còn lại		

2. Thông báo kéo dài thời hạn chuyển lợi nhuận về Việt Nam:

Nhà đầu tư thông báo kéo dài thời hạn chuyển về Việt Nam số lợi nhuận còn lại: ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ đến ngày ... tháng ... năm ... theo quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật Đầu tư.

Lý do kéo dài thời hạn: ...

Nhà đầu tư cam kết chuyển số lợi nhuận còn lại nêu trên về nước đúng thời hạn quy định và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung kê khai.

Tài liệu gửi kèm: Báo cáo quyết toán thuế hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương của dự án tại nước ngoài cho năm tài chính ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tên nhà đầu tư

*(nhà đầu tư cá nhân/chủ hộ kinh
doanh/người đại diện theo pháp luật của tổ
chức/doanh nghiệp; từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ
tên, chức danh và đóng dấu - nếu có)*

PHỤ LỤC II. CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

I. Cơ quan có thẩm quyền

1. Bộ kế hoạch và đầu tư (MPI) <http://www.mpi.gov.vn>
2. Cục đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư (FIA) <https://fdi.gov.vn/>
3. Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (DPI) (Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương):
 - Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội <http://hapi.gov.vn>
 - Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh <http://www.dpi.hochiminhcity.gov.vn>
 - Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng <http://dpi.danang.gov.vn>
4. Ngân hàng nhà nước Việt Nam (SBV) <https://www.sbv.gov.vn>
5. Bộ Tài chính <https://www.mof.gov.vn>

II. Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại Nhật Bản

1. Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản <https://vnembassy-jp.org>
2. Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Osaka Nhật Bản <https://vnconsulate-osaka.mofa.gov.vn>
3. Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka Nhật Bản <https://vnconsulate-fukuoka.mofa.gov.vn>

III. Cơ quan đại diện ngoại giao của Nhật Bản tại Việt Nam

1. Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam <https://www.vn.emb-japan.go.jp>
2. Tổng lãnh sự quán Nhật Bản tại thành phố Hồ Chí Minh <https://www.hcmc.gj.vn.emb-japan.go.jp>